

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 347/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 01 tháng 02 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi,
các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng
đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 13/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích đầu tư xây dựng mới, mở rộng cơ sở giết mổ chế biến gia súc, gia cầm và cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi; Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về điều kiện giết mổ, buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 26/5/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề cương - dự toán quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của UBND huyện Tân Phú tại Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 25/01/2010, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 184/SNN-NN ngày 26/01/2010 về việc phê duyệt quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển ngành chăn nuôi.

- Chăn nuôi là ngành kinh tế quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng chăn nuôi là giải pháp chủ yếu để duy trì và nâng cao giá trị của sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển chăn nuôi phải gắn với bảo vệ môi trường và cải tạo môi trường đất trồng trọt. Chuyển đổi phương thức chăn nuôi với các giải pháp xử lý chất thải bằng các công nghệ phù hợp nhằm giảm ô nhiễm môi trường chăn nuôi và môi

trường sống. Chất thải chăn nuôi được xử lý cung cấp nguồn năng lượng sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành chăn nuôi theo hướng trang trại và nâng cao hiệu quả, khả năng kiểm soát dịch bệnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các hộ chăn nuôi trong huyện chuyển nhanh chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ thành các trang trại chăn nuôi tập trung với quy mô lớn. Từng bước di dời các trang trại chăn nuôi ở các khu vực cấm nuôi sang các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi. Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng các cơ sở sản xuất phân vi sinh hữu cơ sử dụng nguyên liệu từ chất thải chăn nuôi, sử dụng năng lượng sinh học.

- Phát huy lợi thế của từng tiểu vùng, nguồn lực và kết quả và kinh nghiệm nuôi của từng trang trại, nhu cầu thực tế của thị trường; khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi trong đó chăn nuôi trang trại là xu hướng chủ đạo, đặc biệt chú trọng phát triển 02 loại vật nuôi có lợi thế nhất trên địa bàn huyện là heo, gà, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sản xuất lâu dài và ổn định.

- Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định và bền vững với cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sản xuất giống chất lượng cao, xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi, sản xuất thức ăn, thuốc thú y, sản xuất phân bón từ nguồn chất thải chăn nuôi, tăng cường hệ thống quản lý Nhà nước và hệ thống giám sát sản phẩm chăn nuôi và thú y để các văn bản pháp luật và chính sách được thực thi một cách hiệu lực và hiệu quả cao.

2. Mục tiêu và phương hướng phát triển

a) Mục tiêu phát triển

- Đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi từ 6,5 - 7% giai đoạn 2010 - 2015 và 8,5 - 9,0% giai đoạn 2016 - 2020. Đưa tỷ trọng GTSX ngành chăn nuôi từ 25% năm 2008 lên 30% năm 2010; 34% năm 2015 và 40% năm 2020.

- Chú trọng phát triển chăn nuôi tập trung (CNTT), đưa tỷ lệ đàn heo CNTT từ 23% hiện nay lên 53% vào năm 2015, tiến tới hầu hết được CNTT vào cuối giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ lệ đàn gia cầm nuôi tập trung tăng tương ứng từ 33% hiện nay lên khoảng 60% vào năm 2015 và 85 - 90% vào giai đoạn 2016 - 2020.

b) Phương hướng phát triển

Phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tân Phú, quy hoạch của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Quy mô phát triển ngành chăn nuôi

Trên địa bàn huyện Tân Phú, về lâu dài chỉ phát triển chăn nuôi trên địa bàn các xã. Quy mô phát triển đàn heo và đàn gà đến năm 2020 như sau:

+ Đàn heo năm 2010: 51.800 con, 2015: 72.700 con, năm 2020: 100.000 con.

+ Đàn gà năm 2010: 360.600 con, năm 2015: 505.600 con, năm 2020: 694.400 con.

+ Đàn bò năm 2010: 9.187 con, năm 2015: 11.750 con, năm 2020: 14.840 con.

+ Ngoài 03 loại vật nuôi chính, trên địa bàn huyện còn có thể phát triển các loại vật nuôi khác như vịt, cút, dê, cừu, ong, các loại gia cầm khác. Tuy quy mô không lớn nhưng sẽ được tạo điều kiện để phát triển theo hướng tập trung công nghiệp, làm tốt công tác vệ sinh phòng dịch để không nguy hại cho các loại vật nuôi khác.

4. Quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

Chia làm 2 giai đoạn:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I: Giai đoạn I sẽ được ưu tiên thu hút đầu tư phát triển chăn nuôi. Các vùng KKPTCN giai đoạn I sẽ được Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng (đường, điện).

- Vùng KKPTCN giai đoạn II: Giai đoạn II sẽ được tiếp tục bố trí chăn nuôi chỉ khi diện tích các vùng KKPTCN giai đoạn I đã lấp đầy. Riêng các trang trại hiện có trong vùng này vẫn tiếp tục được phép chăn nuôi.

4.1. Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I

Tổng diện tích quy hoạch cho phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I trên địa bàn toàn huyện là 1.334 ha (chiếm 19,7% diện tích vùng KKPTCN), bao gồm 24 vùng, cụ thể như sau:

a) Xã Trà Cỏ: Dự kiến xây dựng 02 vùng KKPTCN diện tích khoảng 101 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 1:

Diện tích 59 ha. Đầu tư về điện: 01 km trung thế, 2,4 km hạ thế và 01 trạm biến áp, về giao thông: 1,9 km đường trục, 4,8 km đường nhánh. Tổng vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3:

Diện tích 42 ha. Đầu tư: 1,2 km đường điện trung thế; 2,2 km đường điện hạ thế và 1 trạm biến áp; 1,6 km đường trục; 2,2 km đường nhánh; tổng vốn đầu tư: 3,56 tỷ đồng.

b) Xã Phú An: Dự kiến xây dựng 07 vùng KKPTCN, tổng diện tích 263 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 1:

Diện tích 41 ha. Cần đầu tư 2,2 km đường trục, 1,2 km đường nhánh, 1,4 km đường trung thế và 1,2 km đường hạ thế. Tổng đầu tư khoảng 3,6 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 2:

Diện tích 21 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến đường đã có thành đường trục (dài 2,0 km), đường nhánh 1,3 km, kéo điện thêm (trung thế 2,0 km, hạ thế 1,3 km). Tổng đầu tư khoảng 3,1 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3:

Diện tích 31 ha. Đầu tư, giao thông: 1,4 km đường trục, 1,6 km đường nhánh; điện: 1,4 km trung thế và 1,6 km hạ thế và 01 trạm hạ thế, tổng đầu tư: 2,3 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 4:

Diện tích 112 ha. Dự kiến xây dựng: 1,7 km đường nhánh, 4,0 km điện trung thế, 2,2 km điện hạ thế. Tổng đầu tư khoảng: 1,7 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 5 (giáp xã Nam Cát Tiên):

Diện tích 23 ha. Đầu tư, giao thông: 0,8 km đường trục, 1,2 km đường nhánh; điện: 0,8 km trung thế, 1,2 km hạ thế và 01 trạm hạ thế, tổng đầu tư: 1,4 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 5:

Diện tích 20 ha. Đầu tư, giao thông: 1,8 km đường trục, 1,5 km đường nhánh; điện: 1,8 km trung thế và 1,5 km hạ thế và 01 trạm hạ thế, tổng đầu tư: 2,5 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 6:

Diện tích 15 ha. Đầu tư, giao thông: 0,7 km đường trục, 1,4 km đường nhánh; điện: 0,8 km trung thế, 1,2 km hạ thế và 01 trạm hạ thế, tổng đầu tư: 1,6 tỷ đồng.

c) Xã Phú Lộc: Dự kiến xây dựng 3 vùng KKPTCN, tổng diện tích 261 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 5:

Diện tích 56 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến trục dài 1,8 km, đường nhánh 1,9 km, kéo tuyến trung thế dài thêm 1,8 km và hạ thế dài 1,9 km và 01 trạm biến áp, tổng vốn đầu tư: 3,7 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 7:

Diện tích 71 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến đường trục dài 2,3 km, đường nhánh 4,2 km, kéo dài thêm đường trung thế 1,3 km, hạ thế 2,1 km. Tổng kinh phí: 4,3 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 8:

Diện tích 134 ha. Đầu tư: Nâng cấp tuyến đường đất đã có thành đường trục (7,2 km), đường nhánh 3,2 km, kéo điện vào trung thế 1,8 km, hạ thế 3,2 km và 01 trạm biến áp. Tổng vốn đầu tư: 6,5 tỷ đồng.

d) Xã Phú Trung: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN có diện tích 49 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I thuộc 02 ấp Phú Thắng, Phú Yên:

Diện tích 49 ha. Nâng cấp 8,2 km đường trục; 10,2 km đường nhánh, kéo tuyến trung thế 3,1 km cặp theo tuyến đường trục và hạ thế 3,5 km và 01 trạm biến áp. Tổng đầu tư: 8,9 tỷ đồng.

e) Xã Phú Thanh: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN có diện tích 250 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp Bàu Mây: Diện tích 250 ha. Đầu tư giao thông: 4,9 km đường nhánh; 1,8 km đường điện trung thế, 3,4 km điện hạ thế và 01 trạm biến áp. Tổng đầu tư: 3,4 tỷ đồng.

g) Xã Phú Lâm: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN có diện tích 21 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp Phương Mai 1, 2, 3: Diện tích 21 ha. Dự kiến xây dựng 5,4 km đường trục, 2,9 km đường nhánh, 3,7 km đường điện trung thế, 2,9 km đường điện hạ thế và 01 trạm biến áp, tổng đầu tư: 5 tỷ đồng.

h) Xã Phú Bình: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN có diện tích 24 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp Phú Hợp A:

Diện tích 24 ha. Dự kiến đầu tư: 3,2 km đường trục, 1,2 km đường nhánh, 1,6 km đường điện trung thế, 1,2 km đường điện hạ thế và 01 trạm biến áp. Tổng đầu tư: 2,7 tỷ đồng.

i) Xã Phú Xuân: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN có diện tích 28 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp Thọ Lâm 3:

Diện tích 28 ha. Dự kiến xây dựng 2,2 km đường nhánh, 0,7 km đường điện trung thế, 2,2 km đường điện hạ thế và 01 trạm biến áp, tổng vốn đầu tư khoảng 1,6 tỷ đồng.

k) Xã Tà Lài: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN có diện tích 63 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 1, ấp 5:

Diện tích 63 ha. Đầu tư 6,4 km đường trục, 5,6 km đường nhánh, 1,2 km đường điện trung thế, 2,8 km đường điện hạ thế, tổng vốn đầu tư: 5,9 tỷ đồng.

n) Xã Phú Thịnh: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN diện tích 72 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I thuộc địa phận ấp 4 + ấp 10:

Diện tích 72 ha. Dự kiến đầu tư 4,8 km đường trục, 3,8 km đường nhánh, 1,2 km đường điện trung thế, 3,1 km đường điện hạ thế và 01 trạm biến áp. Tổng đầu tư 4,4 tỷ đồng.

m) Xã Núi Tượng: Dự kiến xây dựng 01 vùng KKPTCN diện tích 72 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 2A:

Diện tích 72 ha. Đầu tư nâng cấp 4,7 km đường trục, 2,4 km đường nhánh, 0,5 km đường điện trung thế và 3,1 km đường điện hạ thế. Tổng đầu tư 3,8 tỷ đồng.

p) Xã Nam Cát Tiên: Dự kiến xây dựng 02 vùng KKPTCN, tổng diện tích 81 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 2, 3:

Diện tích 53 ha. Đầu tư: 2,4 km đường trục, 4,8 km đường nhánh, 1,2 km đường điện hạ thế, tổng đầu tư 3 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 7:

Diện tích 28 ha. Đầu tư: 1,2 km đường nhánh, 1,7 km đường điện trung thế và 1,2 km đường điện hạ thế, tổng đầu tư 1 tỷ đồng.

q) Xã Phú Lập: Dự kiến xây dựng 02 vùng KKPTCN, tổng diện tích 49 ha.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 4 + 5:

Diện tích 29 ha. Đầu tư: 3,6 km đường trục, 3,6 km đường nhánh, 1,8 km đường điện trung thế, 1,2 km đường điện hạ thế. Tổng đầu tư: 3,7 tỷ đồng.

+ Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 6:

Diện tích 20 ha. Dự kiến đầu tư nâng cấp 2,4 km đường trục vào khu quy hoạch, làm mới khoảng 2,8 km đường nhánh; đầu tư 1,2 km đường trung thế, 1,4 km đường hạ thế, trạm biến áp. Tổng đầu tư: 2,5 tỷ đồng.

Quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I
trên địa bàn huyện Tân Phú đến năm 2020

STT	Các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I (KKPTCN GĐI)	Địa điểm (xã)	Diện tích QH (ha)
1	Vùng KKPTCN GĐI ấp 1	Trà Cỏ	59
2	Vùng KKPTCN GĐI ấp 3	Trà Cỏ	42
3	Vùng KKPTCN GĐI ấp 1	Phú An	41
4	Vùng KKPTCN GĐI ấp 2	Phú An	21
5	Vùng KKPTCN GĐI ấp 3	Phú An	31
6	Vùng KKPTCN GĐI ấp 4	Phú An	112
7	Vùng KKPTCN GĐI ấp 5 (giáp Nam Cát Tiên)	Phú An	23
8	Vùng KKPTCN GĐI ấp 5	Phú An	20
9	Vùng KKPTCN GĐI ấp 6	Phú An	15
10	Vùng KKPTCN GĐI ấp 5	Phú Lộc	56
11	Vùng KKPTCN GĐI ấp 7	Phú Lộc	71
12	Vùng KKPTCN GĐI ấp 8	Phú Lộc	134
13	Vùng KKPTCN GĐI 2 ấp Phú Thắng+ Phú Yên	Phú Trung	49
14	Vùng KKPTCN GĐI ấp Bàu Mây	Phú Thanh	250
15	Vùng KKPTCN GĐI 3 ấp Phương mai 1 + 2 + 3	Phú Lâm	21
16	Vùng KKPTCN GĐI ấp Phú Hợp A	Phú Bình	24
17	Vùng KKPTCN GĐI ấp Thọ Lâm 3	Phú Xuân	28
18	Vùng KKPTCN GĐI ấp 1 + 5	Tà Lài	63
19	Vùng KKPTCN GĐI ấp 4 + 10	Phú Thịnh	72
20	Vùng KKPTCN GĐI ấp 2A	Núi Tượng	72
21	Vùng KKPTCN GĐI ấp 2 + 3	Nam Cát Tiên	53
22	Vùng KKPTCN GĐI ấp 7	Nam Cát Tiên	28
23	Vùng KKPTCN GĐI ấp 4 + 5	Phú Lập	29
24	Vùng KKPTCN GĐI ấp 6	Phú Lập	20
	Tổng cộng		1.334

4.2. Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn II

Tổng diện tích quy hoạch cho phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn II trên địa bàn toàn huyện là 5.441 ha, chiếm 80,3% vùng KKPTCN. Tập trung chủ yếu ở các xã Trà Cỏ (33 ha), xã Phú An (1.403 ha), xã Phú Lộc (487 ha), xã Phú Thanh (15 ha), xã Phú Bình (289 ha), xã Phú Xuân (454 ha), xã Tà Lài (222 ha),

xã Phú Thịnh (458 ha), xã Núi Tượng (676 ha), xã Nam Cát Tiên (585 ha), xã Phú Lập (71 ha), xã Phú Điền (354 ha), xã Phú Sơn (394 ha).

5. Quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung

Quy hoạch 04 cơ sở giết mổ tập trung cho 04 cụm xã với quy mô mỗi cơ sở giết mổ là 02 ha. Vị trí mỗi điểm được thể hiện trên bản đồ quy hoạch.

+ Cụm xã: Phú An, Phú Sơn, Phú Trung, Phú Bình. Vị trí tại ấp Phú Cường xã Phú Bình.

+ Cụm xã: Phú Xuân, Phú Lâm, Phú Thanh, Thanh Sơn. Vị trí tại ấp Phương Mai 3 xã Phú Lâm.

+ Cụm xã: TT Tân Phú, Trà Cỏ, Phú Điền, Phú Lộc. Vị trí tại ấp 5 xã Phú Lộc.

+ Cụm xã: Phú Lập, Tà Lài, Phú Thịnh, Núi Tượng. Vị trí tại ấp 5 xã Phú Lập.

6. Tiến độ phát triển chăn nuôi, xây dựng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và khu giết mổ tập trung

Phân kỳ phát triển: Phân kỳ theo các kế hoạch trung hạn, bao gồm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn từ năm 2009 - 2015.

- Giai đoạn từ năm 2016 - 2020.

a) Các trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn 2009 - 2015

- Ổn định sản xuất, tổ chức di dời các cơ sở chăn nuôi nằm trong phạm vi cấm nuôi sang các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I một cách thuận lợi. Xây dựng các hợp tác xã dịch vụ chăn nuôi, nâng quy mô sản xuất, sản xuất thức ăn, tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng đến các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I nằm ở khu vực trọng điểm.

- Triển khai các dự án ưu tiên đầu tư về xây dựng cơ sở hạ tầng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi ở địa bàn trọng điểm.

- Triển khai các mô hình chăn nuôi tiên tiến, các mô hình xử lý chất thải, chăn nuôi kết hợp trồng trọt và nuôi cá.

- Tăng cường quản lý dịch bệnh, kiểm dịch động vật, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt với các nguồn hàng qua huyện và các cơ sở chăn nuôi nhỏ.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

Đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa phát triển chăn nuôi đạt trình độ khu vực, tăng sức cạnh tranh để có thể vươn ra thị trường xuất khẩu.

- Công nghiệp hóa: Khuyến khích tích tụ sản xuất, tăng quy mô đàn gia súc trong từng trại, cơ giới hóa và điện khí hóa các khâu vận chuyển, tự động hóa khâu cung cấp thức ăn, nước uống.

- Hiện đại hóa: Ứng dụng rộng rãi công nghệ chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi an toàn, chuồng kín. Hiện đại hóa khâu giết mổ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng thị trường. Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn chất lượng của khu vực.

- Đẩy mạnh hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ và giết mổ gia súc. Trong mỗi vùng KKPTCN đều có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã.

- Kiểm soát chặt chẽ giết mổ, khép kín từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển chăn nuôi với trồng trọt, đặc biệt là trong sử dụng các phụ phẩm chăn nuôi cho phát triển trồng trọt bền vững.

- Đảm bảo xử lý môi trường theo Luật Môi trường. Đẩy mạnh bảo vệ và tôn tạo cảnh quan ở các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Nâng cấp đồng bộ cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu chăn nuôi tập trung.

- Đưa Internet vào các khu chăn nuôi tập trung, giúp các trang trại cập nhật nhanh chóng các thông tin về tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, mô hình xây dựng chuồng trại, các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn về thức ăn, con giống, các thông tin về thị trường tiêu thụ...

7. Vốn đầu tư

Trên cơ sở tiến độ phát triển và định mức đầu tư xây dựng tại từng thời điểm đầu tư. Vốn đầu tư cụ thể cho từng khu chăn nuôi tập trung, từng dự án sẽ được tính toán cụ thể khi tiến hành triển khai xây dựng dự án.

8. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường

a) Hiệu quả kinh tế

Ước tính hiệu quả kinh tế chăn nuôi các loại vật nuôi chính giai đoạn 2009 - 2020 huyện Tân Phú như sau:

Ước tính hiệu quả kinh tế chăn nuôi các loại vật nuôi chính
giai đoạn 2009 - 2020 huyện Tân Phú

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2009	Quy hoạch		
			2010	2015	2020
1. Số đầu con thương phẩm					
- Heo thịt	con	71.618	88.060	123.590	170.000
- Gia cầm thịt	con	661.545	901.500	1.264.000	1.736.000
- Bò thịt	con	7.365	7.490	9.400	11.872
2. Sản lượng thịt hơi		9.609	11.766	16.442	22.443
- Thịt heo	Tấn	6.446	7.925	11.123	15.300
- Thịt gia cầm	Tấn	1.323	1.893	2.781	3.819
- Thịt bò	Tấn	1.841	1.947	2.538	3.324
3. Trứng gia cầm	1.000 quả	7.465	8.707	12.794	18.798
4. Giá trị sản xuất chăn nuôi		323.579	399.605	575.437	811.341
- Thịt heo	Triệu đ	212.707	269.464	389.309	550.800
- Thịt gia cầm	Triệu đ	29.758	43.542	66.739	95.480
- Thịt bò	Triệu đ	73.648	77.892	106.596	146.263
- Trứng gia cầm	Triệu đ	7.465	8.707	12.794	18.798
5. Tốc độ tăng GTSX			GD 2009 - 2010	GD 2011 - 2015	GD 2016 - 2020
- Thịt heo	%/năm		12,6	7,6	7,2

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2009	Quy hoạch		
			2010	2015	2020
- Thịt gia cầm	%/năm		21,0	8,9	7,4
- Thịt bò	%/năm		2,8	6,5	6,5
- Trứng gia cầm	%/năm		8,0	8,0	8,0
Tốc độ bình quân	%/năm		11,1	7,6	7,1
6. Ước lao động chăn nuôi	Người	707	540	581	541
7. GTSX chăn nuôi/lao động CN	Triệu đ/ng	458	739	991	1.500

b) Hiệu quả xã hội

- Tăng tỷ lệ hộ giàu nhờ phát triển ổn định chăn nuôi trang trại, là ngành sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả cao. Tạo việc làm do tăng quy mô chăn nuôi nên giảm được hộ nghèo.

- Tính chất sản xuất công nghiệp và ứng dụng các công nghệ nuôi theo hướng công nghệ cao trong chăn nuôi ở các trang trại sẽ đóng góp tích cực vào xúc tiến lộ trình CNH, HĐH phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện.

- Đời sống đảm bảo, người lao động có việc làm, thu nhập ổn định sẽ giúp ổn định an ninh nông thôn.

- Cung cấp sản phẩm thịt trứng cho nhu cầu tiêu dùng, cung cấp nguyên liệu cho các ngành chế biến.

c) Hiệu quả môi trường

- Đưa chăn nuôi trong các khu dân cư ra bên ngoài, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng và mỹ quan khu dân cư.

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm các khu dân cư, các cơ sở văn hóa, giáo dục y tế, các nguồn nước sinh hoạt.

- Nước rửa chuồng sau khi được xử lý được sử dụng tưới vào mùa khô, phân hữu cơ bón cho cây trồng giúp nâng cao chất lượng các sản phẩm trồng trọt và tuổi thọ vườn cây lâu năm. Cây cối xanh tốt vào mùa khô sẽ góp phần cải thiện vi khí hậu ở các khu vực CNTT và có ích cho diện rộng.

+ Tăng độ phì nhiêu đất đai, cải thiện độ tơi xốp, tăng hàm lượng hữu cơ cho đất canh tác trên địa bàn huyện và các địa phương khác.

+ Nguồn khí biogas được sử dụng đun nấu, phát điện, là những nguồn năng lượng sạch, giúp hạn chế xả khí thải vào môi trường.

9. Các giải pháp phát triển chăn nuôi, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và khu giết mổ tập trung

a) Giải pháp về thị trường tiêu thụ

+ Trước mắt, với yêu cầu tăng sức cạnh tranh để đứng vững tại thị trường quốc nội trước sức ép của nguồn thịt ngoại nhập, giảm thiểu biến động xấu về giá cả, tạo sự an toàn cho người nuôi, giải pháp cần đặc biệt quan tâm là hạn chế tình trạng ép giá người nuôi, tránh tình trạng khủng hoảng thừa, ngăn chặn tình trạng sử dụng

hóa chất cấm trong chăn nuôi, vận động chủ trang trại nâng cấp công nghệ nuôi để phối hợp với các cơ sở giết mổ, các nhà máy chế biến tiêu thụ ổn định sản phẩm.

+ Bên cạnh tiếp tục khai thác thị trường đã có, sẽ tăng cường liên kết với các cơ sở giết mổ lớn ở trong tỉnh và TP. Hồ Chí Minh để tạo thị trường ổn định.

+ Về lâu dài (sau năm 2010) cần đặc biệt chú trọng giải pháp mở rộng thị trường tiêu thụ, kể cả tìm kiếm thị trường xuất khẩu: Hiệp hội chăn nuôi trên địa bàn Đồng Nai phối hợp với các cơ quan chức năng để tìm thị trường. Về phía người sản xuất, cần đảm bảo uy tín về chất lượng sản phẩm (ví dụ: Trọng lượng từ 80 - 110 kg/con, thịt chắc, dai, đàn hồi tốt màu hồng đỏ tươi, không có tạp chất, không có băng đá, không được phép tái đông...) và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (các chỉ tiêu chất lượng theo đúng tiêu chuẩn TCVN 7046-2002) để đứng vững trên thị trường xuất khẩu khi đã có cơ hội. Về phía các cơ quan quản lý cần từng bước siết chặt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, từ khâu giống, thức ăn, đến công nghệ nuôi và phòng trừ dịch hại, kiểm soát chặt chẽ giết mổ.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ

+ Hiện đại hóa sản xuất là yêu cầu và cũng là điều kiện quyết định thành công trong cạnh tranh của chăn nuôi tập trung. Trước mắt, tập trung cho công nghệ sản xuất thức ăn (với yêu cầu hạ giá thành, giúp tăng trọng nhanh), kiểm soát dịch bệnh, nhân giống và dịch vụ sử dụng giống tốt, xây dựng chuồng trại đáp ứng yêu cầu của các công nghệ nuôi tiên tiến một cách phù hợp với từng quy mô trang trại, mô hình xử lý chất thải cho từng loại vật nuôi và từng quy mô nuôi.

+ Hiện đại hóa khâu nuôi lợn đực giống, cung cấp con nái chất lượng cao cho các hộ nuôi thương phẩm, kết hợp tổ chức lai tạo tốt để nâng cao tỷ lệ thụ tinh so với hiện nay, giảm số lần thụ tinh và chi phí thụ tinh.

+ Cần ứng dụng nhanh các công nghệ quản lý và giám sát dịch bệnh. Kết hợp giữa phòng trừ dịch bệnh một cách nghiêm ngặt trên địa bàn với kiểm dịch một cách thường xuyên và xử lý thật nghiêm các nguồn lây bệnh từ bên ngoài.

+ Ứng dụng linh hoạt công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, sử dụng tốt nguồn chất thải từ chăn nuôi (làm khí biogas, sản xuất phân hữu cơ vi sinh). Nhanh chóng loại bỏ các công nghệ nuôi gây ô nhiễm môi trường (phun nước cho gà, làm ao tắm trong khuôn viên chuồng, không xây dựng các công trình xử lý chất thải).

+ Khuyến cáo các công nghệ nuôi tiên tiến, an toàn sinh học, theo mô hình chuồng kín, trước mắt với chăn nuôi gà công nghiệp và các trại chăn nuôi lợn có quy mô lớn, từng bước mở rộng phạm vi trên địa bàn huyện.

c) Giải pháp về xử lý ô nhiễm môi trường

Tăng cường các biện pháp quản lý để ngăn chặn gia tăng ô nhiễm và từng bước hạn chế ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường theo Luật Môi trường:

- Các cơ sở chăn nuôi phải có cam kết tự xử lý môi trường đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định của cơ quan chức năng về môi trường. Phải có

tường rào ngăn cách trang trại với bên ngoài và chiều cao từ 02m trở lên. Không được xả chất thải, nước thải chưa được xử lý vào môi trường.

- Trước mắt ứng dụng các mô hình xử lý môi trường có hiệu quả và thiết thực như: Mô hình làm biogas, mô hình sử dụng hệ thống bể lắng, xả nước đã được xử lý theo hệ thống tiêu hoặc ra ao chứa...

- Về lâu dài, thử nghiệm mô hình xử lý hiện đại khác để ứng dụng rộng rãi các mô hình phù hợp như: Mô hình xử lý toàn bộ chất thải bằng phương pháp biogas kết hợp phát điện, xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học bổ sung trong thức ăn chăn nuôi và ủ phân (nước CTAIR-1 và CTAIR-2) nhằm giảm ô nhiễm môi trường.

- Vận động bỏ các công nghệ nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm cao như phun nước cho gà, làm bể tắm cho heo...

- Vị trí xây dựng các trại chăn nuôi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và theo khoản 2 Điều 2 trong Pháp lệnh Thú y, riêng tỷ lệ cây xanh theo tiêu chuẩn TCVN 3772-83 (quy định, tỷ lệ cây xanh khoảng 35 - 40%) và đã được cụ thể hóa trong quy chế khu chăn nuôi tập trung.

d) Giải pháp về huy động vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ vốn cho phát triển chăn nuôi

Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và xây dựng các mô hình được lấy từ nguồn ngân sách và các chương trình nghiên cứu thử nghiệm, hỗ trợ các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh, kinh phí hoạt động của hiệp hội. Nhà sản xuất tự huy động vốn cho xây dựng chuồng trại, chi phí sản xuất kinh doanh từ các nguồn tự có, huy động từ người thân, vay từ ngân hàng, trợ giúp thân nhân nước ngoài...

+ Nhà nước tạo điều kiện cho các ngân hàng mở chi nhánh trên địa bàn huyện. Khuyến khích hình thành các tổ chức tín dụng nhân dân. Khuyến khích các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc tăng quy mô chăn nuôi gia công trên địa bàn huyện.

+ Lồng ghép với chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng, Chương trình 135, tranh thủ sự hỗ trợ từ các chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trước mắt là chương trình chuyển giao các công nghệ nuôi heo và gà theo hướng an toàn sinh học và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện tốt về thủ tục đăng ký đầu tư và ưu đãi về đất đai.

e) Giải pháp về tổ chức phát triển chăn nuôi và triển khai dự án phát triển chăn nuôi, xây dựng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Khuyến khích thành lập các tổ hợp tác, HTX chăn nuôi, nhất là ở các địa bàn trọng điểm chăn nuôi ở 04 cụm xã.

- Mở các lớp tập huấn về kiến thức kinh doanh và quản lý trang trại, quản lý hợp tác xã, với các kiến thức về quản lý, về marketing, phương pháp xây dựng thương hiệu, các công nghệ sản xuất và bảo vệ môi trường tiên tiến có thể áp dụng được vào địa bàn huyện...

- Cần tăng cường lực lượng cán bộ khuyến nông về chăn nuôi, cán bộ thú y trong mạng lưới khuyến nông và thú y đến tận thôn ấp (với các địa bàn trọng điểm), tăng thêm kinh phí để đảm bảo đời sống, trang thiết bị nâng cao hiệu lực quản lý thú y và hoạt động khuyến nông.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan nghiên cứu, chuyển giao, các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ gia súc để ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật, trợ giúp về vốn và tiêu thụ sản phẩm ổn định.

- Công bố quy hoạch đến từng xã và công khai tại các xã, các đơn vị có liên quan. Lồng ghép tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng trong quy hoạch này với chương trình phát triển cơ sở hạ tầng chung của huyện.

- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển chăn nuôi tập trung. Trưởng ban là Lãnh đạo UBND huyện, Phó ban Thường trực và cơ quan Thường trực là phòng Kinh tế, ủy viên là Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Hạ tầng - Kinh tế, phòng Quản lý Đô thị, Chủ tịch UBND các xã, Trưởng trạm Khuyến nông, Trưởng trạm Thú y. Đưa các chỉ tiêu phát triển chăn nuôi, giết mổ tập trung vào kế hoạch trung hạn và hàng năm, lồng ghép phát triển hạ tầng của dự án quy hoạch vào các chương trình phát triển của huyện. Triển khai các dự án xây dựng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

g) Giải pháp về chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung và xúc tiến di dời các cơ sở chăn nuôi trong vùng cấm nuôi

- Các chính sách hiện hữu có liên quan đến phát triển chăn nuôi: Các hộ chăn nuôi tại các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi được hưởng chính sách ưu đãi nhất về đất đai và đất xây dựng chuồng trại cũng là đất nông nghiệp nên không phải xin giấy phép xây dựng mà chỉ cần giấy phép chăn nuôi. Được hỗ trợ từ nguồn vay ưu đãi cho xây dựng các công trình xử lý chất thải. Miễn thuế và hỗ trợ tiếp thị cho các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh từ nguồn chất thải trong chăn nuôi.

- Các xã đề xuất thêm các chính sách hỗ trợ chăn nuôi đặc biệt là di dời cơ sở chăn nuôi (nên hỗ trợ theo đầu con hoặc quy mô chuồng trại (m^2 chuồng trại) với mức 30 - 50% so với xây dựng mới chuồng trại). Hoặc hỗ trợ lãi vay ngân hàng cho các hộ di dời vay cho xây dựng chuồng trại và sang nhượng quyền sử dụng đất làm trang trại chăn nuôi.

- Đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ các chủ trang trại tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi trong nước. Hỗ trợ lãi suất vay để sang nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng chuồng trại và hỗ trợ 20 - 30% chi phí xây dựng chuồng trại với các hộ di dời.

- Đề nghị Nhà nước cần có chính sách giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, vãi bột làm biogas và các vật tư kỹ thuật có liên quan đến phát triển chăn nuôi.

10. Cơ chế quản lý và đầu tư trong vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi gắn với trồng trọt tạo thế phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và nhu cầu xã hội. Vì vậy, các chủ trang trại khi đầu tư phát triển chăn nuôi vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi có quyền và nghĩa vụ sau đây:

+ Nhà nước không thu hồi đất và giao đất cho sản xuất chăn nuôi mà các hộ có quyền chuyển nhượng để đầu tư phát triển trang trại.

+ Khi xây dựng chuồng trại, diện tích xây dựng so với khuôn viên trang trại không vượt quá 25% với trại heo và không vượt quá 40% với trại gà. Diện tích còn lại cần được duy trì cây lâu năm (nếu đã có), hoặc trồng mới, hoặc cải tạo vườn cũ. Trang trại phải có hàng rào theo đúng quy định.

+ Chủ trang trại không phải xin giấy phép xây dựng, nhưng phải có giấy phép chăn nuôi, không chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng phải khai báo biến động đất đai.

+ Chủ trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải, nước thải, vệ sinh môi trường, đăng ký cam kết đảm bảo môi trường với phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ Đất trong khu quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi không bắt buộc phải chuyển sang chăn nuôi, việc đầu tư phát triển chăn nuôi hay không do chủ sử dụng đất quyết định. Nhưng khuyến khích các hộ chuyển sang phát triển chăn nuôi hoặc sang nhượng cho hộ khác phát triển chăn nuôi.

+ Khuyến khích các chủ trang trại chăn nuôi đầu tư xây dựng chuồng trại theo hướng hiện đại, hợp lý, đặc biệt ủng hộ theo hướng xây dựng chuồng kín.

+ UBND huyện giao việc tổ chức và quản lý phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi cho UBND các xã, UBND các xã có thể thành lập Ban Quản lý, hợp tác xã chăn nuôi cho tất cả các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi hoặc từng khu trên địa bàn xã, tùy theo tình hình thực tế của địa phương và có chủ trang trại tham gia để tự tổ chức quản lý theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi sẽ được công bố rộng rãi, công khai tại từng xã trên địa bàn huyện. Trong ranh giới từ đường biên vùng khuyến khích PTCN đến các công trình công cộng, nhà ở,... phải tuân thủ theo Quyết định 01/2008/QĐ-UBND (03/01/2008) của UBND tỉnh Đồng Nai (nhằm tránh tình trạng khu chăn nuôi xây dựng trước các hộ đến xây dựng nhà ở sau đó khiếu nại ô nhiễm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ quản đầu tư: UBND huyện Tân Phú.

2. Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú có trách nhiệm.

- Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thông báo rộng rãi quy hoạch theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo các nội dung của báo cáo quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân kỳ đầu tư hàng năm, sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên đầu tư để từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất quy hoạch đề ra.

- Căn cứ vào nội dung chính của quy hoạch, phối hợp với các sở, ngành, các tổ chức, thành phần kinh tế huy động các nguồn lực để cân đối và triển khai thực hiện đầu tư kinh phí và thời gian phù hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú và các sở, ngành liên quan

triển khai thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung; kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Công thương, Chủ tịch UBND huyện Tân Phú, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ao Văn Thịnh